

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2026/DS-PT
Ngày: 29 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 543/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2026/QĐXXPT-DS ngày 07/01/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số E, tổ H, ấp V, xã C, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ C, ấp V, xã C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp V, xã C, tỉnh An Giang (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/9/2025).

3. **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số E, tổ H, ấp V, xã C, tỉnh An Giang.

4. **Người kháng cáo:** Ông Trần Thanh P.

Tại phiên tòa, ông P, bà T, bà B và bà Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Do quen biết, khoảng tháng 11/2022 bà có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 20.000.000 đồng để mua bán, bà B hứa 02 tháng sau sẽ trả nên không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên khi hết hạn bà B không trả nợ cho bà. Đến ngày 19/02/2023 bà B vay của bà số tiền 55.000.000 đồng, để cho con làm vốn nuôi bò, có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, bà B hứa khi bán được bò sẽ trả hết cho bà số tiền vay tổng cộng 75.000.000 đồng nên bà mới đồng ý cho vay. Hai bên có làm biên nhận ngày 19/02/2023. Quá trình vay bà B không trả tiền nợ gốc nhưng bà B có trả tiền lãi được 05 tháng, tính từ tháng 02/2023 đến tháng 06/2023 với mức lãi suất 3%/tháng, bà B có trả lãi tổng cộng là 11.250.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà số tiền 75.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi đối với số tiền 75.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 19/7/2023 cho đến ngày 30/9/2025, nhưng yêu cầu tính tròn 26 tháng. Đồng thời, bà có yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại số tiền lãi bà B đã đóng và đồng ý khấu trừ vào số tiền nợ gốc của bà B.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Giữa bà với bà Nguyễn Thị Mai T không có mối quan hệ bà con gì với nhau. Bà không thống nhất đối với toàn bộ nội dung trình bày của bà T. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T bà hoàn toàn không đồng ý, vì từ trước đến nay bà không có vay tiền của bà T. Bà không thừa nhận toàn bộ nội dung, chữ viết và dấu vân tay trong biên nhận ngày 19/02/2024 là của bà.

Trước đây bà có quen biết với bà Nguyễn Thị Đ (mẹ của bà T) và có vay của bà Đ 04 lần, mỗi lần vay 10.000.000 đồng, với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, không nhớ thời gian vay, mục đích vay để làm vốn mua bán, có thỏa thuận mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, bà có trả vốn 8.000.000 đồng và đóng lãi khoảng 05 - 06 tháng, mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng. Bà thừa nhận còn nợ bà Đ số tiền gốc 32.000.000 đồng và đồng ý trả nợ cho bà Đ. Bà xin miễn yêu cầu tính lãi do không còn khả năng trả nợ. Đối với số tiền lãi đã đóng bà không yêu cầu Tòa án điều chỉnh lại.

Ông Trần Thanh P trình bày: Ông thống nhất theo toàn bộ nội dung trình bày của bà B, không có ý kiến bổ sung.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà là mẹ ruột bà Nguyễn Thị Mai T, không có mối quan hệ bà con gì với bà Nguyễn Thị B. Bà không thống nhất đối với toàn bộ nội dung trình bày của bà B. Trước đây bà B có vay của bà T số tiền 75.000.000 đồng để làm vốn mua bán. Bà có chứng kiến việc bà B ký tên và lấn tay vào biên nhận, nội dung biên nhận là do bà T viết, về việc bà T và bà B thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả như thế nào thì bà không biết. Bà xác định từ trước đến nay bà B không có vay tiền của bà, do bà bị tai biến, không có tiền. Đối với việc bà B cho rằng bà có cho bà B vay tiền và hiện nay bà B còn nợ bà số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai

triệu đồng) là không đúng. Bà không có yêu cầu bà B trả cho bà số tiền này theo như nội dung bà B trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai T.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị Mai T tổng số tiền vốn, lãi 185.076.000 đồng (tiền gốc 69.975.000 đồng, lãi 15.101.000 đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, áp dụng luật thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 10 năm 2025, ông Trần Thanh P kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng, đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 32.000.000 đồng; không đồng ý trả cho bà T số tiền 85.076.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn và người đại diện vẫn giữ yêu cầu kháng cáo;

Bà T yêu cầu không chấp nhận kháng cáo, giữ y bản án sơ thẩm;

Bà Đ xác định, bà B không nợ bà số tiền nào.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Kháng cáo đúng quy định pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 86, Điều 234, Điều 273 và Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị B cho rằng trước đây, có vay tiền và còn nợ bà Nguyễn Thị Đ (mẹ bà Nguyễn Thị Mai T) số tiền 32.000.000 đồng và đồng ý trả lại số tiền này cho bà Đ. Tuy nhiên, bà Đ không thừa nhận. Bà B không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày có căn cứ và hợp pháp.

Căn cứ biên nhận ngày 19/02/2023 có chữ ký tên “Bê” và 02 dấu vân tay, cơ quan chuyên môn xác định, do cùng 01 người ký và in ra.

Về tiền lãi: Các bên xác lập hợp đồng vay tài sản có lãi, có thời hạn. Do đó, lãi suất được áp dụng là 20%/năm, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng 10%/năm là không chính xác. Tuy nhiên, nguyên đơn không kháng cáo là có lợi cho bị đơn.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức, đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Mai T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải trả số tiền vay 75.000.000 đồng và tiền lãi. Chứng cứ là Biên nhận ngày 19/02/2023.

[3.2] Bà Nguyễn Thị B không thừa nhận vay tiền của bà T mà vay tiền và còn nợ bà Nguyễn Thị Đ (mẹ bà T) số tiền 32.000.000 đồng và đồng ý trả lại số tiền này cho bà Đ.

Tuy nhiên, bà Đ không thừa nhận. Bà B không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày có căn cứ và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà B, Hội đồng xét xử thấy rằng: biên nhận ngày 19/02/2023 đã được kết luận giám định là do bà B ký và lấn tay.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ không thừa nhận có cho bà B vay tiền.

[5] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà B. Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị giữ y Bản án dân sự sơ thẩm, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận, bà B phải chịu theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà là người cao tuổi và có đơn yêu cầu, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2025/DS-ST, ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai T.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Nguyễn Thị Mai T số tiền gốc 69.975.000 đồng và tiền lãi 15.101.000 đồng. Tổng cộng là 85.076.000 đồng (tám mươi lăm triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B được miễn án phí.

Bà B được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do ông Trần Thanh P nộp theo biên lai số 0005349 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Văn Hai